

Bản án số: **58/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 02-8-2024

V/v “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Hằng Ni.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Tám.

Bà Đặng Thị Tiềm.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Lê Lộc – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Vào ngày 02 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý: 111/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2024 về việc: “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 44/2024/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị Y**, sinh năm 1985 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: **4 ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre.**

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1980 (có mặt).

Địa chỉ: **Tổ A, ấp E, xã T, thị xã C, Tiền Giang.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị **Trần Thị Y** trình bày:* Chị với anh **Nguyễn Văn N** trên cơ sở tự quen biết mà tiến đến quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã T, thị xã C, Tiền Giang** vào năm 2021. Thời gian đầu chung sống với nhau rất hạnh phúc. Đến khoảng đầu năm 2023 thì xảy ra mâu thuẫn do anh **N** thường tỏ ra không tôn trọng chị, không phụ chăm lo về kinh tế cũng như trong việc chăm sóc nuôi dưỡng con. Do cuộc sống chung không còn hạnh phúc, không thể duy trì mối quan hệ hôn nhân này được nữa nên chị đã về nhà cha ruột sinh sống từ tháng 4/2023. Nay chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Chị yêu cầu được ly hôn anh **N**.

- Về con chung: Có 01 con chung tên **Nguyễn Thanh D**, sinh ngày 27/4/2022 hiện đang sống với chị. Ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh **N** phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản - nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn N trình bày tại phiên tòa: Anh thống nhất với lời trình bày của chị Trần Thị Y về quá trình tiến đến quan hệ hôn nhân, con chung. Từ tháng 4/2022 giữa anh với chị Y phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị Y yêu cầu anh về Bến Tre sinh sống nhưng anh còn có cha mẹ già và nếu có về cũng sống chung với cha mẹ vợ, cuộc sống bên vợ khó khăn, người nhà bên vợ tỏ thái độ không hài lòng với anh nên anh không đồng ý. Còn việc chị Y khai anh thường tỏ thái độ không tôn trọng chị, không phụ chăm lo về kinh tế cũng như trong việc chăm sóc nuôi dưỡng con là không đúng. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4/2023. Từ lúc chị Y dẫn theo con về Bến Tre sinh sống cha của anh có điện thoại kêu chị Y về nhưng chị Y không chịu về, anh có đến thăm con chứ không đặt vấn đề rước chị Y về vì biết chị Y không chịu về. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của chị Yên a có ý kiến như sau: Anh không đồng ý ly hôn với chị Y do còn thương vợ, thương con. Anh sẽ tới lui thăm con, đưa tiền phụ vợ nuôi con. Nếu trong trường hợp Tòa giải quyết cho ly hôn thì về con chung anh đồng ý giao con chung tên Nguyễn Thanh D, sinh ngày 27/4/2022 cho chị Y tiếp tục nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản – nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xác định đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, nuôi con và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Trần Thị Y có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vụ án vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị Trần Thị Y với anh Nguyễn Văn N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 42 vào ngày 17/11/2021 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, xét thấy quan hệ vợ chồng giữa chị Y với anh N đã thật sự đổ vỡ, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ. Bởi lẽ, khi Tòa án triệu tập anh N đến Tòa để tham gia phiên hòa giải và xét xử, anh N đều vắng mặt không lí do, đến khi phiên tòa được hoãn và mở lại ngày hôm nay anh mới có mặt, thứ hai anh N thừa nhận từ lúc chị Y về Bến Tre sinh sống anh không đặt vấn đề rước chị Y về đoàn tụ, anh chỉ đến thăm con là không thể hiện được thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị Y. Thứ ba, tuy tại phiên tòa hôm nay anh N có đưa ra được biện pháp hàn gắn là anh sẽ tới lui thăm con, đưa tiền phụ vợ nuôi con nhưng theo lời trình bày của anh tại phiên tòa hôm nay thì nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc chị Y yêu cầu anh phải cùng chị về Bến Tre sinh sống. Do đó, biện pháp hàn gắn của anh N đưa ra chỉ là lời nói suông và không thuyết phục. Từ đó, cho thấy tình cảm vợ chồng giữa chị Y với anh N thật sự không còn, giữa vợ chồng không có sự quan tâm, thấu hiểu, chăm sóc lẫn nhau nên chấp nhận cho chị Y được ly hôn với anh N là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Chị **Trần Thị Y** trình bày quá trình chung sống vợ chồng có một con chung tên **Nguyễn Thanh D**, sinh ngày 27/4/2022; hiện đang sống với chị. Ly hôn, chị **Y** yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu **D**, tại phiên tòa hôm nay anh **N** cũng đồng ý giao cháu **D** cho chị **Y** trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, tại thời điểm xét xử cháu **Nguyễn Thanh D** chưa đủ 36 tháng tuổi. Khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thảo thuận khác phù hợp với lợi ích của con.*” Do vậy, tiếp tục giao con chung cho chị **Y** tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về cấp dưỡng: Anh **Nguyễn Văn N** không phải cấp dưỡng nuôi con do chị **Trần Thị Y** không yêu cầu.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị **Trần Thị Y** trình bày không có còn anh **Nguyễn Văn N** không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Chị **Trần Thị Y** phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Trần Thị Y**. Cho chị **Trần Thị Y** được ly hôn với anh **Nguyễn Văn N**.

2. Về con: Giao con chung tên **Nguyễn Thanh D**, sinh ngày 27/4/2022 cho chị **Trần Thị Y** trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh **Nguyễn Văn N** không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Chị **Trần Thị Y** phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004863 ngày 14/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên xem **Y** đã thi hành xong.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSNDTXCai Lậy;
- CCTHADSTXCai Lậy;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Dương Thị Hằng N1

